

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP**

**BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Ngành đào tạo : **Giáo dục chính trị**
Mã ngành : **7140205**
Trình độ đào tạo : **Đại học**

ĐỒNG THÁP, 8/2019

MỤC LỤC

A. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	3
B. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	5
C. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	7
D. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN	19
D.1. TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN.....	20
D.2. KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LÊNIN	27
D.3. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC.....	34
D.4. LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM.....	40
D.5. NHẬP MÔN NGHỀ NGHIỆP.....	46
D.6. PHÁP LUẬT VIỆT NAM ĐẠI CƯƠNG	49
D.7. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH.....	57
D.8. PHƯƠNG PHÁP TƯ DUY	64
D.9. LỊCH SỬ CÁC HỌC THUYẾT CHÍNH TRỊ	67
D.10. MỸ HỌC ĐẠI CƯƠNG	72
D.11. LỊCH SỬ TRIẾT HỌC	76
D.12. ĐẠO ĐỨC HỌC	80
D.13. PHÁP LUẬT THỰC ĐỊNH.....	83
D.14. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC.....	96
D.15. LOGIC HÌNH THỨC	99
D.16. CHÍNH TRỊ HỌC	106
D.17. LỊCH SỬ CÁC HỌC THUYẾT KINH TẾ.....	112
D.18. TÔN GIÁO HỌC	117
D.19. MỘT SỐ CHUYÊN ĐỀ TRIẾT HỌC	121
D.20. MỘT SỐ CHUYÊN ĐỀ KINH TẾ CHÍNH TRỊ.....	125
D.21. CHUYÊN ĐỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC.....	128
D.22. CHUYÊN ĐỀ LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM.....	132
D.23. MỘT SỐ CHUYÊN ĐỀ GIÁO DỤC KINH TẾ.....	137
D.24. GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG	141
D.25. XÂY DỰNG ĐẢNG.....	145
D.26. ỨNG DỤNG CNTT TRONG DẠY HỌC	151
D.27. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM.....	154
D.28. KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ THEO NĂNG LỰC NGƯỜI HỌC	157
D.29. MỘT SỐ CHUYÊN ĐỀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH.....	160
D.30. MỘT SỐ CHUYÊN ĐỀ GIÁO DỤC PHÁP LUẬT.....	164
D.31. GIÁO DỤC GIA ĐÌNH	170
D.32. HIẾN PHÁP VÀ ĐỊNH CHẾ CHÍNH TRỊ	174
D.33. LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC BỘ MÔN GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ	180
D.34. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN	184
D.35. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC GD KINH TẾ & PHÁP LUẬT	187
D.36. MỘT SỐ TÁC PHẨM CỦA HỒ CHÍ MINH.....	190
D.37. MỘT SỐ TÁC PHẨM CỦA C. MÁC – PH. ĂNGGHEN – V.I. LÊNIN	195
D.38. XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH.....	201
D.39. DÂN TỘC HỌC VÀ CHÍNH SÁCH DÂN TỘC Ở VIỆT NAM.....	206
D.40. GIÁO DỤC GIÁ TRỊ.....	211
D.41. GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI.....	215
D.42. LỊCH SỬ TƯ TƯỞNG VIỆT NAM	219
D.43. LOGIC BIỆN CHỨNG.....	223
D.44. MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ GIÁO DỤC CÔNG DÂN TOÀN CẦU.....	226
D.45. RÈN LUYỆN NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM THƯỜNG XUYÊN 1	228

D.46. RÈN LUYỆN NGHIỆP VỤ SỰ PHẠM THƯỜNG XUYÊN 2	231
D.47. RÈN LUYỆN NGHIỆP VỤ SỰ PHẠM THƯỜNG XUYÊN 3	233
D.48. RÈN LUYỆN NGHIỆP VỤ SỰ PHẠM THƯỜNG XUYÊN 4	235
D.49. RÈN LUYỆN NGHIỆP VỤ SỰ PHẠM THƯỜNG XUYÊN 5	237
D.50. RÈN LUYỆN NGHIỆP VỤ SỰ PHẠM THƯỜNG XUYÊN 6	240

A. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Thông tin về đơn vị đào tạo và đơn vị cấp bằng

- Đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Đồng Tháp
- Đơn vị đào tạo: Khoa SP Sư - Địa và Giáo dục chính trị

2. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành:
Tiếng Việt: Giáo dục chính trị
Tiếng Anh: Political Education
- Mã số ngành đào tạo: 7140205
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Chương trình tham khảo trong và ngoài nước:
- Thời gian đào tạo: 4 năm
- Tên văn bằng sau tốt nghiệp: Cử nhân Giáo dục chính trị
- Thông tin về kiểm định chất lượng:

3. Mục tiêu đào tạo

- Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có kiến thức và năng lực thực hành nghề nghiệp tương xứng với trình độ đào tạo, có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;
- Đào tạo sinh viên nắm vững kiến thức chuyên môn và có kỹ năng thực hành nghề nghiệp, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo;
- Đào tạo giáo viên giảng dạy Giáo dục công dân ở các trường trung học; Có thể trở thành giảng viên các trường chuyên nghiệp, trung tâm chính trị, cao đẳng, đại học và làm việc ở các cơ quan ban ngành, các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội.

4. Thông tin tuyển sinh

4.1. Đối tượng tuyển sinh:

Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trung cấp, sau đây gọi chung là tốt nghiệp trung học; người tốt nghiệp trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và được công nhận hoàn thành các môn văn hóa trong chương trình giáo dục THPT theo quy định của Bộ GDĐT;

Thí sinh có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành. Đối với người khuyết tật được UBND tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt và học tập do hậu quả của chất độc hoá học là con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học: Hiệu trưởng xem xét, quyết định cho dự tuyển sinh vào các ngành học phù hợp với tình trạng sức khỏe.

Quân nhân hoặc công an nhân dân tại ngũ chỉ được dự tuyển khi được cấp có thẩm quyền cho phép đi học; Quân nhân tại ngũ sắp hết hạn nghĩa vụ quân sự theo quy định, nếu được Thủ trưởng từ cấp trung đoàn trở lên cho phép, thì được dự tuyển theo nguyện vọng cá nhân, nếu trúng tuyển phải nhập học ngay năm đó, không được bảo lưu sang năm học sau.

4.2. Phạm vi tuyển sinh: Cả nước

4.3. Phương thức tuyển sinh:

Xét tuyển theo kết quả thi THPT quốc gia

5. Điều kiện nhập học

Người học nộp các giấy tờ, hồ sơ theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Sau khi xem xét thấy đủ điều kiện nhập học, Phòng Đảm bảo chất lượng tham mưu Hiệu trưởng ra quyết định công nhận người học là sinh viên chính thức của trường.

6. Điều kiện tốt nghiệp

Người học được xét công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức độ đình chỉ học tập;
- b) Tích lũy đủ số học phần quy định cho chương trình đào tạo;
- c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.00 trở lên;
- d) Có giấy chứng nhận Giáo dục quốc phòng - An ninh và giấy chứng nhận Giáo dục thể chất;
- e) Có chứng chỉ Ngoại ngữ và chứng chỉ Tin học theo quy định của Nhà trường;
- f) Phải tham gia ít nhất 8 ngày công tác xã hội;
- g) Trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc tốt nghiệp muộn so với thời gian thiết kế của khóa học, sinh viên phải làm đơn gửi Phòng đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp;
- h) Hằng năm, Nhà trường tổ chức xét tốt nghiệp vào tháng 2, tháng 6, tháng 8 và tháng 11. Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ vào các quy định về điều kiện công nhận tốt nghiệp để lập danh sách trình Hội đồng xét tốt nghiệp và đề nghị Hiệu trưởng ký Quyết định công nhận tốt nghiệp cho sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp. Lễ tốt nghiệp được tổ chức vào tháng 7 và tháng 1.

7. Thời điểm phát hành/chỉnh sửa bản mô tả: ngày tháng 9 năm 2019

8. Nơi phát hành: Trường Đại học Đồng Tháp

B. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Kiến thức

- 1.1. Có kiến thức về rèn luyện sức khỏe, giáo dục quốc phòng, an ninh đáp ứng yêu cầu rèn luyện bản thân, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
- 1.2. Có kiến thức đại cương về ngành học, tâm lý học sư phạm, khoa học giáo dục, khoa học xã hội và nhân văn, tin học, ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.
- 1.3. Có kiến thức cơ bản, hiện đại về pháp luật, chủ nghĩa Mác – Lênin; đường lối, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam; tư tưởng Hồ Chí Minh, hiểu biết về văn hoá, lịch sử địa phương.
- 1.4. Có kiến thức chuyên sâu về những vấn đề quan trọng của Pháp luật Việt Nam, về kinh tế, văn hoá, chính trị, xã hội trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hội nhập quốc tế.
- 1.5. Có kiến thức cơ bản, cập nhật và chuyên sâu về nghiệp vụ sư phạm, nội dung, phương pháp tổ chức hoạt động dạy – học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.

2. Kỹ năng

2.1. Kỹ năng nghề nghiệp

- 2.1.1. Có kỹ năng phát hiện và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp.
- 2.1.2. Có kỹ năng vận dụng các phương pháp thu thập và xử lý thông tin thường xuyên về nhu cầu và đặc điểm của người học, môi trường giáo dục.
- 2.1.3. Có kỹ năng xây dựng kế hoạch dạy học, vận dụng các phương pháp, phương tiện, thiết bị dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.
- 2.1.4. Có kỹ năng phân tích, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện đạo đức của người học; tư vấn và hỗ trợ người học.
- 2.1.5. Có khả năng tự học, tự nghiên cứu và bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ.

2.2. Kỹ năng mềm

- 2.2.1. Vận dụng thành thạo các kỹ năng cần thiết trong quá trình học tập và làm việc theo vị trí việc làm.
- 2.2.2. Có kỹ năng sử dụng được ngôn ngữ trong giao tiếp và trong hoạt động nghề nghiệp.
- 2.2.3. Có kỹ năng tạo dựng môi trường học tập: dân chủ, an toàn, thân thiện, hợp tác.
- 2.2.4. Có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong công việc và cuộc sống.
- 2.2.5. Có kỹ năng làm việc độc lập và hợp tác làm việc nhóm.

3. Phẩm chất đạo đức

- 3.1. Yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội; chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thực hiện nghĩa vụ công dân. Tham gia các hoạt động chính trị, xã hội trong và ngoài nhà trường nhằm phát triển nhà trường và cộng đồng, xây dựng xã hội học tập.
- 3.2. Yêu nghề, gắn bó với nghề; chấp hành điều lệ, quy chế, quy định của ngành; có ý thức tổ chức kỉ luật và tinh thần trách nhiệm; giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo; sống trung thực, lành mạnh, là tấm gương tốt cho người học.
- 3.3. Thương yêu, tôn trọng, đối xử công bằng với người học, giúp đỡ người học khắc phục khó khăn để học tập và rèn luyện tốt.
- 3.4. Có ý thức xây dựng tập thể, đoàn kết, hợp tác, giúp đỡ đồng nghiệp.
- 3.5. Có lối sống lành mạnh, văn minh, phù hợp với bản sắc dân tộc và môi trường nghề nghiệp; có tác phong mẫu mực, làm việc khoa học.

4. Mức tự chủ và trách nhiệm

- 4.1. Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.
- 4.2. Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.
- 4.3. Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.
- 4.4. Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

5. Các vị trí công tác có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp

- Giáo viên Giáo dục công dân trường trung học.
- Giảng viên Lý luận chính trị tại các trường trung cấp chuyên nghiệp; trung tâm bồi dưỡng chính trị; trường chính trị; trường cao đẳng, đại học, viện và học viện.
- Chuyên viên, viên chức phòng, ban, các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội.
- Nghiên cứu viên tại các trung tâm, viện nghiên cứu chính trị, xã hội, giáo dục.

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Giờ tín chỉ		HP điều kiện		
				Lý thuyết	Thực hành	HT	SH	TQ
7	GE4325	Võ thuật Vovinam	2					
8	GE4331	Bơi lội	2					
1.4. Đại cương chung			31					
1.4.1. Học phần bắt buộc			29					
1	PO4091	Triết học Mác- Lênin	4	60				
2	PO4092	Kinh tế chính trị Mác- Lênin	3	45		PO4091		
3	PO4093	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30		PO4092	GE4056H	
4	PO4094	Lịch sử Đảng CSVN	3	45		GE4056H		
5	PO4450	Nhập môn nghề nghiệp	3	45				
6	GE4039	Pháp luật Việt Nam đại cương	2	30				
7	GE4056H	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30			PO4093	
8	GE4112	Nhập môn khoa học giao tiếp	2	30				
9	GE4017	Giáo dục học đại cương	2	30				
10	GE4045	Tâm lý học đại cương	2	30				
11	GE4075	Giáo dục học trung học	2	30				
12	GE4078	Tâm lý học trung học	2	30				
1.4.2. Học phần tự chọn			4					
1	GE4201	Phương pháp tư duy	2	30				
2	GE4023	Kinh tế học đại cương	2	30				
3	GE4029	Môi trường và con người	2	30				
4	GE4061	Xã hội học đại cương	2	30				
5	PO4004	Lịch sử các học thuyết chính trị	2	30		PO4215		
6	PO4014	Văn hóa học	2	30				
B. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			86					
I	Kiến thức cơ sở ngành		23					
1	GE4030	Mỹ học đại cương	2	30				
2	PO4215	Lịch sử Triết học	3	45				

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Giờ tín chỉ		HP điều kiện		
				Lý thuyết	Thực hành	HT	SH	TQ
3	PO4001	Đạo đức học	3	45				
4	PO4016	Pháp luật thực định	3	45		GE4039		
5	PO4040E	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30				
6	PO4009	Logic hình thức	2	30				
7	PO4000	Chính trị học	2	30		PO4004		
8	PO4005	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	30				
9	GE4111	Quản lý HCNN và QL ngành GD	2	30				
10	PO4012	Tôn giáo học	2	30				
II	Kiến thức chuyên ngành		49					
2.1. Nhóm kiến thức bắt buộc			45					
1	PO4166	Một số chuyên đề Triết học	3	45		PO4220		
2	PO4102	Một số chuyên đề Kinh tế chính trị	2	30		PO4220		
3	PO4100	Một số chuyên đề Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30		PO4220		
4	PO4168N	Chuyên đề Lịch sử ĐCSVN	2	30		PO4094		
5	PO4169	Một số chuyên đề giáo dục kinh tế	2	30		PO4005		
6	PO4216	Giáo dục kỹ năng sống	2	30				
7	PO4124	Xây dựng Đảng	2	30				
8	PO4225	Ứng dụng CNTT trong dạy học	2	15	30			
9	PO4156N	Hoạt động trải nghiệm	2	30				
10	PO4157	Kiểm tra, đánh giá theo năng lực người học	2	30				
11	PO4158N	Một số chuyên đề tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30		PO4136		
12	PO4159	Một số chuyên đề giáo dục pháp luật	2	30		PO4106		
13	PO4002	Giáo dục gia đình	2	30				

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Giờ tín chỉ		HP điều kiện		
				Lý thuyết	Thực hành	HT	SH	TQ
14	PO4106	Hiến pháp và định chế chính trị	2	30		PO4016		
15	PO4217	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn GDCT	3	45				
16	PO4218	Phương pháp dạy học môn giáo dục công dân	2	30				
17	PO4219	Phương pháp dạy học môn giáo dục kinh tế và pháp luật	3	45				
18	PO4136	Một số tác phẩm của Hồ Chí Minh	2	30		GE4056H		
19	PO4220	Một số tác phẩm của C.Mác - Ph.Ăngghen - V.I.Lênin	3	30		GE4093		
20	PO4221	Xây dựng và phát triển chương trình	2	30				
2.2. Phần học tự chọn (chọn ít nhất 4 TC)			4					
1	PO4222	Dân tộc học và chính sách dân tộc	2	30				
2	PO4223	Giáo dục giá trị	2	30				
3	PO4224	Giáo dục quyền con người	2	30		PO4106		
4	PO4008	Lịch sử tư tưởng Việt Nam	2	30				
5	PO4108	Logic biện chứng	2	30		PO4009		
6	PO4283	Một số vấn đề về giáo dục công dân toàn cầu	2	30				
III	Thực hành, thực tập nghề nghiệp		14					
1	PO4401	Rèn luyện NVSPTX1	1		30			
2	PO4402	Rèn luyện NVSPTX2	1		30	PO4401		
3	PO4403	Rèn luyện NVSPTX3	1		30	PO4402		
4	PO4404	Rèn luyện NVSPTX4	1		30	PO4403		
5	PO4405	Rèn luyện NVSPTX5	1		30	PO4404		
6	PO4406	Rèn luyện NVSPTX6	1		30	PO4405		
7	GE4403	Kiến tập sư phạm	2					
8	PO4698	Thực tập tốt nghiệp	6					
Tổng số tín chỉ tích lũy			135					

3. Các học phần hình thành kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức theo chuẩn đầu ra đã công bố (theo thứ tự các học phần của CTĐT)

Số TT	Tên học phần	Chuẩn Đầu Ra																		
		Kiến thức					Kỹ năng					Phẩm chất đạo đức								
		KT 1	KT 2	KT 3	KT 4	KT 5	KN 1	KN 2	KN 3	KN 4	KN 5	PC 1	PC 2	PC 3	PC 4	PC 5				
I	Khối kiến thức đại cương																			
1	Tiếng Anh 1	3									2	3								
2	Tiếng Anh 2	3									2	3								
3	Công tác quốc phòng, an ninh	3									2	3								
4	Đường lối quân sự của Đảng	3									2	3								
5	Quản sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiêu liên AK	3									2	3								
6	Giáo dục thể chất 1	3									2	3								
7	Bóng đá	3									2	3								
8	Cầu lông	3									2	3								
9	Cờ vua	3									2	3								
10	Bóng chuyền	3									2	3								
11	Khiêu vũ thể thao	3									2	3								
12	Võ thuật Karatedo	3									2	3								

Số TT	Tên học phần	Chuẩn Đầu Ra																			
		Kiến thức					Kỹ năng					Phẩm chất đạo đức									
		KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	PC1	PC2	PC3	PC4	PC5					
13	Võ thuật Vovinam	3					2	3									2				
14	Bơi lội	3					2	3									2				
15	Triết học Mác - Lênin			4	4	4	3	3	3		3						4			4	
16	Kinh tế chính trị Mác- Lênin			4	4	4	3	3			3						4			4	
17	Chủ nghĩa xã hội khoa học		3	4	4	4	3	4			4						4			4	4
18	Lịch sử Đảng CSVN			5	5	5	4				4						4	4	4	4	4
19	Nhập môn nghề nghiệp		2								3	3	3	3			3	3			3
20	Pháp luật Việt Nam đại cương		3	3			2	2	3								3	3	3		
21	Tư tưởng Hồ Chí Minh			5	5	5	4				4						4	4	4	4	4
22	Nhập môn khoa học giao tiếp	3					2										3	2			
23	Giáo dục học đại cương	3					2										3	2			
24	Tâm lý học đại cương	3					2										3	2			
25	Giáo dục học chuyên ngành	3					2										3	2			
26	Tâm lý học chuyên ngành	3					2										3	2			

Số TT	Tên học phần	Chuẩn Đầu Ra																		
		Kiến thức					Kỹ năng					Phẩm chất đạo đức								
		KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	PC1	PC2	PC3	PC4	PC5				
7	Chính trị học				5		4								4	4				
8	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2						3							3					3
9	Quản lý HCNN và QL ngành GD																			
10	Tôn giáo học			4	5		3	3			4	3			3					4
II.2 Chuyên ngành																				
1	Một số chuyên đề Triết học			4	4		3	3			3	4			5					4
2	Một số chuyên đề Kinh tế chính trị			4	4		3	4			3				3					3
3	Một số chuyên đề Chủ nghĩa xã hội khoa học		4	4	5		3				4				5					4
4	Chuyên đề Lịch sử ĐCSVN			5	5	4	4								4	4				4
5	Một số chuyên đề giáo dục kinh tế			4	4		3	3										3	3	3
6	Giáo dục kỹ năng sống		4			4	4			4	4	4			4	4				4
7	Xây dựng Đảng		4	4	4		4								4					4
8	Ứng dụng CNTT trong dạy học					3						5	5							3
9	Hoạt động trải nghiệm			4	5		4					4	4		4	4				4

Số TT	Tên học phần	Chuẩn Đầu Ra																	
		Kiến thức					Kỹ năng					Phẩm chất đạo đức							
		KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	PC1	PC2	PC3	PC4	PC5			
10	Kiểm tra, đánh giá theo năng lực người học	2	3	4		3	4	5							2	4	3		
11	Một số chuyên đề tư tưởng Hồ Chí Minh			5	5		4		4	4					4	4	4	4	4
12	Một số chuyên đề giáo dục pháp luật			4	4				3	4	5						3	4	5
13	Giáo dục gia đình		3	3			3	3	5						3	4	3	4	5
14	Hiến pháp và định chế chính trị		2	3				2	3	4							3	4	5
15	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn GDCT		2	3	4	5	2	3	3	4	4				2	3	4	4	5
16	Phương pháp dạy học môn giáo dục công dân		3	5	4		4	4							3	4	5		
17	Phương pháp dạy học môn giáo dục kinh tế và pháp luật		3	5	4		4	4							3	4	5		
18	Một số tác phẩm của Hồ Chí Minh			5	5		4								4	4	4	4	4
19	Một số tác phẩm của C.Mác - Ph.Ăngghen - V.I.Lênin		3	3											4	4		4	
20	Xây dựng và phát triển chương trình		4				4	3	4	4	4				3			3	3
21	Dân tộc học và chính sách dân tộc		2	3			3	3							3	3			4
22	Giáo dục giá trị			4	4		3								4	4		4	4
23	Giáo dục quyền con người		2	2											3			3	

4. Kế hoạch đào tạo theo thời gian

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ									
				1	2	3	4	5	6	7	8		
I	Khối kiến thức đại cương		51										
1.2. Ngoại ngữ			5										
1	GE4410	Tiếng Anh 1	3	x									
2	GE4411	Tiếng Anh 2	2		x								
1.2. Giáo dục quốc phòng			8		x								
1	GE4150	Công tác quốc phòng, an ninh	2		x								
2	GE4149	Đường lối quân sự của Đảng	3			x							
3	GE4153	Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiêu liên AK	3				x						
1.3. Giáo dục thể chất			3										
1.3.1. Học phần bắt buộc			1										
1	GE4306	Giáo dục thể chất 1	1	x									
1.3.2. Học phần tự chọn (chọn ít nhất 2 TC)			2										
1	GE4321	Bóng đá	2		x								
2	GE4322	Cầu lông	2		x								
3	GE4323	Cờ vua	2		x								
4	GE4324	Bóng chuyền	2		x								
5	GE4325	Khiêu vũ thể thao	2		x								
6	GE4326	Võ thuật Karatedo	2		x								
7	GE4327	Võ thuật Vovinam	2		x								
8	GE4328	Bơi lội	2		x								
1.4. Đại cương chung			31										
1.4.1. Học phần bắt buộc			29										
1	PO4091	Triết học Mác- Lênin	4	x									
2	PO4092	Kinh tế chính trị Mác- Lênin	3		x								
3	PO4093	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2			x							
4	PO4094	Lịch sử Đảng CSVN	3				x						
5	PO4450	Nhập môn nghề nghiệp	3	x									
6	GE4039	Pháp luật Việt Nam đại cương	2	x									
7	GE4056H	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			x							
8	GE4112	Nhập môn khoa học giao tiếp	2			x							
9	GE4017	Giáo dục học đại cương	2	x									
10	GE4045	Tâm lý học đại cương	2	x									
11	GE4075	Giáo dục học trung học	2		x								
12	GE4078	Tâm lý học trung học	2		x								
1.4.2. Học phần tự chọn			4										
1	GE4201	Phương pháp tư duy	2			x							
2	GE4023	Kinh tế học đại cương	2			x							
3	GE4029	Môi trường và con người	2			x							
4	GE4061	Xã hội học đại cương	2				x						
5	PO4004	Lịch sử các học thuyết chính trị	2				x						
6	PO4014	Văn hóa học	2				x						
II. Khối kiến thức chuyên nghiệp			86										
II.1 Kiến thức cơ sở ngành			23										
1	GE4030	Mỹ học đại cương	2				x						
2	PO4215	Lịch sử Triết học	3		x								
3	PO4001	Đạo đức học	3					x					
4	PO4016	Pháp luật thực định	3		x								

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ							
				1	2	3	4	5	6	7	8
5	PO4040E	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2			x					
6	PO4009	Logic hình thức	2			x					
7	PO4000	Chính trị học	2			x					
8	PO4005	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2				x				
9	GE4111	Quản lý HCNN và QL					x				
10	PO4012	Tôn giáo học	2			x					
II.2	Kiến thức chuyên ngành		49								
2.1. Nhóm kiến thức bắt buộc			45								
1	PO4166	Một số chuyên đề Triết học	3						x		
2	PO4102	Một số chuyên đề Kinh tế chính trị	2						x		
3	PO4100	Một số chuyên đề Chủ nghĩa xã hội khoa học	2							x	
4	PO4168N	Chuyên đề Lịch sử ĐCSVN	2							x	
5	PO4169	Một số chuyên đề giáo dục kinh tế	2							x	
6	PO4216	Giáo dục kỹ năng sống	2							x	
7	PO4124	Xây dựng Đảng	2							x	
8	PO4225	Ứng dụng CNTT trong dạy học	2							x	
9	PO4156N	Hoạt động trải nghiệm	2						x		
10	PO4157	Kiểm tra, đánh giá theo năng lực người học	2							x	
11	PO4158N	Một số chuyên đề tư tưởng Hồ Chí Minh	2						x		
12	PO4159	Một số chuyên đề giáo dục pháp luật	3						x		
13	PO4002	Giáo dục gia đình	2					x			
14	PO4106	Hiến pháp và định chế chính trị	2				x				
15	PO4217	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn GDCT	3				x				
16	PO4218	Phương pháp dạy học môn giáo dục công dân	2					x			
17	PO4219	Phương pháp dạy học môn giáo dục kinh tế và pháp luật	3						x		
18	PO4136	Một số tác phẩm của Hồ Chí Minh	2					x			
19	PO4220	Một số tác phẩm của C.Mác - Ph.Ăngghen - V.I.Lênin	3					x			
20	PO4221	Xây dựng và phát triển chương trình	2					x			
2.2. Phần học tự chọn (chọn ít nhất 4 TC)			4								
1	PO4222	Dân tộc học và chính sách dân tộc	2							x	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ								
				1	2	3	4	5	6	7	8	
2	PO4223	Giáo dục giá trị	2								x	
3	PO4224	Giáo dục quyền con người	2								x	
4	PO4008	Lịch sử tư tưởng Việt Nam	2									x
5	PO4108	Logic biện chứng	2									x
6	PO4283	Một số vấn đề về giáo dục công dân toàn cầu	2									x
III	Thực hành, thực tập nghề nghiệp		14									
1	PO4401	Rèn luyện NVSPTX1	1		x							
2	PO4402	Rèn luyện NVSPTX2	1			x						
3	PO4403	Rèn luyện NVSPTX3	1				x					
4	PO4404	Rèn luyện NVSPTX4	1					x				
5	PO4405	Rèn luyện NVSPTX5	1						x			
6	PO4406	Rèn luyện NVSPTX6	1							x		
7	GE4403	Kiến tập sư phạm	2					x				
8	PO4698	Thực tập tốt nghiệp	6									x

D. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN